TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **36**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2022
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám, ông Điểu Nhót.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: thôn 4, xã ĐM, huyện S, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**/ Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1983; Nơi đăng ký HKTT: thôn 4, xã ĐM, huyện S, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: thôn 10, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08-10-2021, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T lấy nhau vào năm 2007, khi lấy nhau có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã ĐM, huyện S, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi lấy nhau đã có khoảng thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm. Khi lấy nhau sống hạnh phúc với nhau từ năm 2007 cho đến cuối năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chúng tôi tính tình không hợp nhau luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Cho đến thời điểm này tôi nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, thực sự mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được vì vậy tôi xin được ly hôn với anh Trần Văn T; Về quan hệ tài sản tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ con chung: Tôi đồng ý để anh Trần Văn T nuôi con là các cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 27/3/2008; cháu Trần Thu H, sinh ngày 07/12/2009; cháu Trần Minh Q, sinh ngày 24/3/2012 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 02/01/2015 hiện tại cháu đang sinh sống cùng với anh Trần Văn T.

2. Theo lời khai của bị đơn trong trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày trong đơn xin giải quyết vắng mặt của anh Trần Văn T trình bày: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H lấy nhau vào năm 2007, khi lấy nhau có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã ĐM, huyện S, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi lấy nhau đã có khoảng thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm. Chúng tôi sống hạnh phúc với nhau từ năm 2007 cho đến cuối năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chúng tôi tính tình không hợp nhau luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, thực ra vợ tôi có quan hệ với người khác sau đó thì tôi đã tha thứ cho chị Nguyễn Thị H về chung sống với nhau được khoảng 04 năm thì đến đầu năm 2016 thì chị Nguyễn Thị H lại bỏ nhà ra đi mang theo cháu Trần Minh Đ và mang theo hết tiền bạc trong nhà theo, khi đi được 03 ngày thì tôi có lên đón cháu Đ về và tôi cũng xác định tha thứ cho vợ tôi để về nuôi dạy con cái nhưng chị Nguyễn Thị H không chịu về chính vì vậy mà chúng tôi đã sống ly thân nhau từ 02 năm nay. Về quan hệ hôn nhân: Thực tế thì giữa chúng tôi cũng không còn tình cảm với nhau nữa vì cô Nguyễn Thị H đã bỏ nhà và bỏ 04 người con ra đi đã từ lâu không còn quan tâm gì đến gia đình nữa không xứng đáng là người vợ, người mẹ, tuy nhiên vì tôi là người theo đạo Công giáo nên không thể bỏ vợ bỏ con được nên tôi không đồng ý ly hôn. Về quan hệ con cái: Chúng tôi đã có 04 người con với nhau, sau khi cô Nguyễn Thị H bỏ nhà đi thì không còn quan tâm gì đến chồng con, các cháu đều ở với tôi. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi xin được tiếp tục nuôi các cháu cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành và vì cô Nguyễn Thị H không xứng đáng là người mẹ của các con tôi nên tôi cũng không yêu cầu cô Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi các cháu. Về quan hệ tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T; về con chung: Giao các cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 27/3/2008; cháu Trần Thu H, sinh ngày 07/12/2009; cháu Trần Minh Q, sinh ngày 24/3/2012 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 02/01/2015 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. ***Về pháp luật tố tụng:***

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn, tranh chấp về nuôi con) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Trần Văn T có nơi đăng ký HKTT: thôn 4, xã ĐM, huyện S, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: thôn 10, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

2. Về pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T kết hôn năm 2007, khi lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐM, huyện S, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi lấy nhau đã có khoảng thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T đều thừa nhận vợ chồng sống hạnh phúc với nhau từ năm 2007 cho đến cuối năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Cho đến thời điểm này cả hai nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn hạnh phúc, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, cả hai cũng đã sống ly thân từ 02 năm nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thực sự mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T đã có với nhau 04 người con là các cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 27/3/2008; cháu Trần Thu H, sinh ngày 07/12/2009; cháu Trần Minh Q, sinh ngày 24/3/2012 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 02/01/2015 từ khi chị Nguyễn Thị H bỏ nhà ra đi thì các cháu hiện vẫn đang sinh sống cùng với anh Trần Văn T, bên cạnh đó chị Nguyễn Thị H không có nguyện vọng nuôi các cháu còn anh Trần Văn T có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp chăm sóc các cháu và mong muốn được ở cùng với bố cũng là nguyện vọng của các cháu. Vì vậy cần giao các cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 27/3/2008; cháu Trần Thu H, sinh ngày 07/12/2009; cháu Trần Minh Q, sinh ngày 24/3/2012 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 02/01/2015 cho anh Trần Văn T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao các cháu Trần Thị Thu H, sinh ngày 27/3/2008; cháu Trần Thu H, sinh ngày 07/12/2009; cháu Trần Minh Q, sinh ngày 24/3/2012 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 02/01/2015 cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ,

quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001446 ngày 20/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02);
- Chi Cục THADS huyện S;
- UBND xã ĐM, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh